TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17** **LĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu H.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Ph
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Ng

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn L – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – LĐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – LĐ tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Hải L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – LĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 122/2025/TLST-HN&GĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1992; *Nơi cư trú:* Số nhà 454, thôn 2, xã LH, tỉnh ĐN.

2. Bị đơn: Anh Đào Xuân Tr, sinh năm: 1990; *Nơi cư trú:* Đường số 8, thôn TH 1, xã TT, tỉnh LĐ.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Th và anh Tr; Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Th, trình bày:

Vào năm 2020 chị và anh Đào Xuân Tr tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện ĐL, tỉnh BT. Nay là Ủy ban nhân dân xã TT, tỉnh LĐ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị mâu thuẫn về quan điểm sống, hai người đã có bất đồng quan điểm kéo dài nhiều năm, thường xuyên cải vã. Hiện

nay anh chị đã ly thân và không có khả năng hàn gắn nên chị Th yêu cầu ly hôn anh Tr. Do chị đi làm ăn xa nên chị có nộp đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Bị đơn Đào Xuân Tr đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp và hòa giải nhưng anh Tr không chấp hành, nên không tiến hành phiên hòa giải cho anh, chị được.

Theo biên bản xác minh ngày 02/12/2025: Hiện nay ông Đào Xuân Tr, sinh năm 1990. đang đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: Đường số 8, thôn Tân Hà 1, xã TT, tỉnh LĐ.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.
- Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân khu vực 17 đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[4] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Th và anh Đào Xuân Tr tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện ĐL, tỉnh BT. Nay là ủy ban nhân dân xã TT, tỉnh LĐ, theo chứng nhận kết hôn số 41, ngày đăng ký 04/9/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi

kết hôn, anh chị không vun đắp hạnh phúc vợ chồng mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh, chị đã ly thân và chị Th yêu cầu ly hôn anh Tr. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh Tr không đến Tòa án, cho thấy anh đã không còn quan tâm, yêu thương chị Th nữa nên bỏ mặc cho chị muốn làm gì thì làm. Xét thấy hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị ly hôn anh Tr là phù hợp.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không cần xem xét trong bản án này.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th là người khởi kiện nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 225, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Điều 28 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Th:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Th ly hôn anh Đào Xuân Tr.

2. Về án phí DSST: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005548 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17- tỉnh LĐ. Chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (30/12/2025) để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 17 – LĐ;*
- *Phòng THADS Khu vực 17 – LĐ;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh LĐ;*
- *UBND xã TT;*
- *Lưu HSVA, VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Phúc Thị Thu H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**